

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 204/2021/HS-ST
Ngày: 24-11-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ B, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Trịnh Văn Nhất

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- *Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2021/HSST ngày 29/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2021/QĐXXST – HS ngày 11/11/2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Con bà: Trần Thị K, sinh năm 1978; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến ngày 14/10/2021 thì được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Anh Nguyễn Thái H – Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 08, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H – Sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B.

2. Anh Dương Văn T – Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Liên Sơn, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn Thanh T – Sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B.

4. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B.

4. Người làm chứng: Anh Tạ Văn N – Sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại thôn Chùa, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B là đối tượng không có việc làm, thu nhập ổn định. Ngày 09/8/2021, khi T đang sử dụng mạng xã hội facebook thì phát hiện facebook “Huyền Nguyễn” là của chị Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1987, trú tại số nH 08, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố B, tỉnh B đăng bài bán điện thoại và phụ kiện điện thoại, trong bài đăng có để lại số điện thoại 0912.959.186 và 0989.959.186 để khách Hng liên hệ. Do T biết anh Nguyễn Văn Trụ, sinh năm 1992, trú tại thôn Đồng Sau, xã Đồng Sơn, tHnh phố B là em trai chị Huyền bị bắt do vi phạm công tác phòng chống dịch covid 19 tại địa phương nên đã nảy sinh ý định giả danh anh Trụ để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người nH anh Trụ để lấy tiền chi tiêu cá nhân. T vào facebook của anh Trụ tải ảnh đại diện tài khoản facebook của anh Trụ về điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng của T rồi đăng nhập vào tài khoản zalo “CR7” được đăng ký bằng số điện thoại 0358.549.468 mà T đã lập trước đó, đổi tên tài khoản zalo tHnh “Bin Trụ” và lấy ảnh của anh Trụ làm ảnh đại diện. Sau đó T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng, lấy tài khoản “Bin Trụ” vừa đổi tên, nhắn tin đến tài khoản zalo được đăng ký bằng số điện thoại 0912.959.186 trong bài đăng của chị Huyền thì phát hiện tên người dùng là “Nguyễn Thái H” là tài khoản zalo của anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1990, trú tại số nH 08, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố B, tỉnh B là chồng chị Huyền. T đã mạo danh anh Trụ nhắn tin hỏi vay anh H số tiền 5.000.000 đồng với lý do là phải nộp phạt do vi phạm quy định về phòng chống dịch covid 19. Đến sáng ngày 10/8/2021, anh H đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ số tài khoản 366266366666 mở tại ngân Hng Vietcombank là tài khoản ngân Hng của anh H

đến số tài khoản 1020427336 mang tên Phạm Văn Hoa, mở tại ngân Hng Vietcombank, đây là tài khoản do T mượn của anh H để chuyển tiền và cung cấp cho anh H. Sau khi xác nhận anh H đã chuyển tiền, T rủ anh Tạ Văn N, sinh năm 1998, trú tại thôn Chùa, xã Đồng Sơn, tHnh phố B đi cùng đến nH anh Phạm Văn Hoa, sinh năm 1997, trú tại thôn Tân Mỹ, xã Đồng Sơn, tHnh phố B để lấy tiền. Khi đến anh H đã chuyển trả T số tiền 4.550.000 đồng đến tài khoản số 0731000930878, mở tại ngân Hng Vietcombank của Nguyễn Văn T, số tiền 450.000 đồng còn lại là tiền T cho anh Hoa, số tiền này anh H đã tiêu xài hết. Do trước khi đi đến nH Hoa, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998 là em của T có nhờ T đi lấy điện thoại hộ nên sau khi nhận tiền, T và N tiếp tục đến quán điện thoại của anh Dương Văn T, sinh năm 1984, trú tại thôn Liên Sơn, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B để chuộc điện thoại mà Nguyễn Thanh T gửi ở đó để vay tiền. T trả cho anh T số tiền 550.000 đồng gồm 500.000 đồng là tiền T vay của anh T và 50.000 đồng tiền T cảm ơn. Số tiền 4.000.000 đồng còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết. Đến chiều ngày 10/8/2021, do đã tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được, T nảy sinh ý định tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H nên đã sử dụng tài khoản zalo “Bin Trụ” nhắn tin hỏi vay tiền anh H nhưng bị anh H phát hiện T sử dụng tài khoản zalo giả mạo danh anh Trụ. Do lo sợ bị anh H tìm được, T đã đổi tên tài khoản zalo trên tHnh “Dang Nguyen” và thay ảnh đại diện rồi xóa tài khoản zalo này.

Ngày 12/8/2021, anh Nguyễn Thái H làm đơn trình báo sự việc trên gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đồng thời giao nộp hình ảnh nội dung nhắn tin giữa “Bin Trụ” với zalo “Nguyễn Thái H” và hình ảnh thể hiện việc chuyển tiền. Cùng ngày, Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đầu thú về Hnh vi phạm tội của mình và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng, lắp sim điện thoại số 0986.929.695; 01 thẻ ATM ngân Hng Vietcombank, số thẻ 9704368617000414024 mang tên NGUYEN VAN TU.

Ngày 13/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tiến Hnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T, kết quả tạm giữ trên giường trong phòng ngủ tầng 1 của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu đen, số Imei 356376050549207, bên trong điện thoại lắp sim điện thoại số 0358.549.468.

Tại bản cáo trạng số 195/CT - VKS ngày 27/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tHnh phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân tHnh phố B để xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận T bộ Hình vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được Hình vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tác động đến gia đình đã bồi thường cho anh H số tiền 5.000.000 đồng. Đối với điện thoại di động HTC màu đen bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên bị cáo đề nghị được xin lại. Đối với thẻ ATM ngân Hng Vietcombank không còn giá trị sử dụng nên bị cáo đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T là bố đẻ bị cáo T xác nhận anh đã bồi thường cho anh H số tiền 5.000.000 đồng thay bị cáo T nhưng đến nay anh không yêu cầu bị cáo T phải trả lại anh số tiền trên.

Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt được Hội đồng xét xử công bố lời khai. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố B vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động tới gia đình bồi thường cho anh H số tiền 5.000.000 đồng. Đến nay anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

-Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nH nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng lắp sim điện thoại số 0986.929.965 của bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM ngân Hng Vietcombank số thẻ 9704368617000414024 mang tên Nguyễn Văn T.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu đen, số imel 356376050549207 bên trong điện thoại lắp sim số 0358.549.468 nhưng được giữ lại đảm bảo công tác thi Hình án.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và T diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tHnh phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố B, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận T bộ Hnh vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/8/2021, bằng thủ đoạn đổi tên tài khoản zalo tHnh “Bin Trự” và sử dụng ảnh đại diện tài khoản facebook của anh Nguyễn Văn Trự, sinh năm 1992, trú tại thôn Đồng Sau, xã Đồng Sơn, tHnh phố B, Nguyễn Văn T đã mạo danh anh Trự và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1990, trú tại số nH 08, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố B, tỉnh B là anh rể anh Trự.

[3] Như vậy, Hnh vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu tHnh tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bằng thủ đoạn sử dụng hình ảnh đại diện và đổi tên tài khoản Zalo của anh Trự, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của anh H (là anh rể anh Trự). Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố B truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn T có căn cứ.

[4] Hnh vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy N khi lượng hình,

Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với Hình vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử hình sự lần nào.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường cho bị hại. Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện ra đầu thú và có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng mỹ chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ, Hình vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở tHnh người tốt cho xã hội.

Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống chung cùng gia đình và không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động tới gia đình bồi thường cho anh H số tiền 5.000.000 đồng. Đến nay anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

[10] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- + Tịch thu sung công quỹ nH nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng lắp sim điện thoại số 0986.929.965 của bị cáo Nguyễn Văn T là công cụ, phương tiện phạm tội.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM ngân Hng Vietcombank số thẻ 9704368617000414024 mang tên Nguyễn Văn T do không còn giá trị sử dụng

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu đen, số imel 356376050549207 bên trong điện thoại lắp sim số 0358.549.468

là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến Hình vi phạm tội nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi Hình án.

[11]Đối với anh Phạm Văn H là người cho T mượn số tài khoản ngân Hng tuy N anh H không biết T mượn số tài khoản ngân Hng để thực hiện Hình vi phạm tội, không biết số tiền anh H chuyển vào tài khoản của anh H là do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Tạ Văn N là người cùng đi lấy tiền và đi chuộc điện thoại với Nguyễn Văn T: T khai nhận anh N không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Thanh T là em trai của T, bảo T đi chuộc điện thoại hộ, không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[12] Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 7(bảy)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Sơn, tHnh phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi Hình án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hình hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nH nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng lắp sim điện thoại số 0986.929.965 của bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số thẻ 9704368617000414024 mang tên Nguyễn Văn T.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu đen, số imel 356376050549207 bên trong điện thoại lắp sim số 0358.549.468 nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi Hình án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hình án dân sự. Thời hiệu thi Hình án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh B.
- VKSND thành phố B(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an thành phố B;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Đồng Sơn, thành phố B.
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thanh Quyên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tư

Nguyễn Thị Vượng

Lương Thị Thanh Quyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh B.
- VKSND tHnh phố B(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an tHnh phố B;
- Bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Thị Thanh Quyên

